

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/4/2019

Về tranh chấp: “*Chia tài sản
chung của vợ chồng sau ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Văn Trung**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Hoàng Long**
Ông **Hoàng Văn Tư**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông **Tạ Văn Phú** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 đến 18/4/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh Tr**, sinh năm 1976 (có mặt)

* Bị đơn: Ông **Hoàng Phước T**, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 37, Kp Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1942

Địa chỉ: tổ 37, Kp Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Nguyễn Thị Thanh Ph** – Phó giám đốc
(Theo văn bản ủy quyền số 222/GUQ-PGD ngày 06/10/2017)

Ông **Nguyễn X**, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kp Tân Trà 2, P. Tân Bình, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chị Bùi Thị Kim C, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kp Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kp Tân Trà 2, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Ông Hoàng Phước A, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 81, đường ĐT 741, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Ông Hoàng Phước Việt, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Chị Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 51, phố Chợ Hương, phường Hưng Đạo, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh Tr trình bày.

Bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Hoàng Phước T trước đây là vợ chồng. đã ly hôn theo nội dung Bản án số 52/2017/HNGĐ-ST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Do không thỏa thuận được việc phân chia tài sản, bà Nguyễn Thị Minh Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân gồm:

- Mảnh đất thứ nhất có diện tích 15.749 m² tọa lạc ở ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T số 464/1265/QĐUB cấp ngày 02/6/2006, trên đất có trồng cao su từ năm 2011 và vào năm 2013 .

- Mảnh đất thứ hai có diện tích là 15,340 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp giấy CNQSDĐ số 462/QSDĐ/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr, trên đất có trồng điều từ năm 2001.

- Mảnh đất thứ ba có diện tích 2.570,6 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp giấy CNQSDĐ số 463/QSDĐ/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr, trên đất có cây cao su trồng từ năm 2012

- Mảnh đất thứ tư có diện tích 7.140,6 m² tọa lạc tại ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng

Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 465/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr. Trên đất có trồng điều 16 năm tuổi.

- Mảnh đất thứ năm có diện tích 8.997m² tọa lạc tại khu phố Bàu Ké thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000533/Tân Phú ngày 09/3/2011, đứng tên ông Hoàng Phước T, trên đất có trồng cây cao su 10 năm tuổi; nguồn gốc đất do ông T nhận thừa kế của ông Hoàng Phước Tr.

- Mảnh đất thứ sáu có diện tích 267m² tọa lạc tại Kp Bàu Ké, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp giấy CNQSDĐ số CH 000618/Tân Phú ngày 30/5/2011 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr trên đất có xây dựng một căn nhà cấp 4 và công trình phụ xây từ năm 1999.

- 01 chiếc xe máy hiệu Air Blade và một chiếc xe máy hiệu sistan, 01 bộ salong và một số vật dụng trong nhà.

Quá trình chung sống, vợ chồng có nợ một số người như sau:

Nợ bà Nguyễn Thị Diễm C 15.000.000 đồng

Nợ ông Hoàng Phước Việt 30.000.000 đồng

Nợ ông Nguyễn X số tiền 15.000.000 đồng

Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP 30.000.000 đồng

Nợ ông Hoàng Phước A 20.000.000 đồng

Nợ quỹ Họ Hoàng 5.000.000 đồng

Nợ Đại lý mũ PC (bà Bùi Thị Kim C) 23.000.000 đồng

Những người mắc nợ: Ông Nguyễn Việt T nợ tiền mua bộ salong giá 10.000.000 đồng

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh Tr đồng ý hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N phần đất có diện tích 7.140,6 m² tọa lạc tại ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để bà N có tài sản đảm bảo ổn định cuộc sống khi về già. Các tài sản còn lại, bà Nguyễn Thị Minh Tr yêu cầu giải quyết chia tài sản chung và các khoản nợ chung trên thành hai phần, mỗi người được hưởng ½ tài sản và chịu trách nhiệm trả ½ các khoản nợ trên.

2. Bị đơn ông Hoàng Phước T trình bày:

Về tài sản chung: Ông Hoàng Phước T thống nhất về mối quan hệ hôn nhân và trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có sử dụng chung, đứng tên chung các tài sản là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất như bà Nguyễn Thị Minh Tr trình bày. Tuy nhiên, tài sản chung chỉ là thửa đất thứ sáu có diện

tích 267 m² tọa lạc tại khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp giấy CNQSDĐ số CH000618/Tân Phú ngày 30/5/2011 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr, trên đất có xây dựng một căn nhà cấp 4 và công trình phụ xây từ năm 1999; và giá trị tài sản trên 04 thửa đất (từ thứ nhất đến thứ tư theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Minh Tr) là tài sản chung của vợ chồng.

Đối với quyền sử dụng 04 mảnh đất (từ thứ nhất đến thứ tư theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Minh Tr) trước đây ông Hoàng Phước T xác định là tài sản chung do đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr nhưng nay ông Hoàng Phước T khẳng định chỉ mượn của mẹ ruột là bà Nguyễn Thị N để sinh sống, nay bà Nguyễn Thị Minh Tr có yêu cầu phân chia tài sản, bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu đòi lại tài sản thì ông Hoàng Phước T đồng ý trả lại 04 thửa đất nói trên cho bà Nguyễn Thị N.

Đối với mảnh đất có diện tích 8,997 m² tọa lạc tại Kp Bàu Ké, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, đã được UBND huyện Đồng Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000533/Tân Phú cấp ngày 09/3/20211 đứng tên Hoàng Phước T, trên đất có trồng cây cao su 10 năm tuổi; nguồn gốc đất do ông Hoàng Phước T nhận thừa kế của ông Hoàng Phước Tr, đây là tài sản riêng của ông Hoàng Phước T.

Nợ chung: Vợ chồng có mắc nợ một số người như sau

- Nợ ngân hàng chính sách huyện Đồng Phú 30.000.000 đồng
- Nợ ông Hoàng Phước Việt 30.000.000 đồng
- Nợ quỹ họ Hoàng 5.000.000 đồng.
- Nợ ông Nguyễn X 15.000.000 đồng.

Nay ông Hoàng Phước T đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung và các khoản nợ chung đã kê khai theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

* Bà Nguyễn Thị N và bà Lê Thị L là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Minh Tr và ông Hoàng Phước T là con dâu và con ruột của bà Nguyễn Thị N. Vào năm 2001, do ông Hoàng Phước Tr (chồng bà N) bị bệnh phải điều trị lâu dài tại bệnh viện nên để ông Hoàng Phước T là con trai đứng tên kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất do ông Trình bà N khai phá và nhận chuyển nhượng mà có, gồm:

- Mảnh đất thứ nhất có diện tích 15.749 m² tọa lạc ở ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Mảnh đất thứ hai có diện tích là 15,340 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Mảnh đất thứ ba có diện tích 2.570,6m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Mảnh đất thứ tư có diện tích 7.140,6m² tọa lạc tại ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Năm 2006, ông Hoàng Phước T tự mình tách hộ khẩu và đứng tên kê khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ sổ cấp theo số liệu đo đạc lập thành chính quy. Đồng thời, ông Hoàng Phước T đưa bà Nguyễn Thị Minh Tr vào đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất, ông T bà Tr tự mình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất mà không có sự đồng ý của bà Nguyễn Thị N. Nay bà Nguyễn Thị Minh Tr có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung trong đó có 04 thửa đất nêu trên là có tình chiếm đoạt tài sản hợp pháp của bà N nên bà N có đơn yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc bà Tr ông T phải trả lại cho bà N 04 thửa đất nói trên.

Đối với tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên bốn thửa đất nêu trên bà Nguyễn Thị N đồng ý hoàn trả lại cho bà Tr ông T theo giá trị đã được Hội đồng định giá xác định để chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462, 463, 464, 465/1265/QĐUB do UBND huyện Đồng Phú cấp cho hộ ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr cùng ngày 02/6/2006.

** Người đại diện theo ủy quyền Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP là bà Nguyễn Thị Thanh Ph trình bày:*

Ngày 18/5/2016, Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP có cho vợ chồng bà Tr, ông T vay số tiền 30.000.000 đồng, hạn thanh toán là ngày 18/5/2019. Nay bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T ly hôn, chia tài sản chung thì Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP đề nghị ông T và bà Tr phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 30.000.000 đồng đã vay và lãi suất phát sinh theo quy định. Trường hợp Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng thì người nào được quyền thụ hưởng mảnh đất có căn nhà thì người đó có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng khi đến hạn. Ngoài ra, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP có đề nghị được vắng mặt trong giải quyết vụ án.

** Ông Nguyễn X trình bày:*

Vào năm 2010 ông có cho vợ chồng bà Tr, ông T vay số tiền 15.000.000 đồng để làm nhà vòm. Hai bên có làm giấy tờ, thỏa thuận khi nào có sẽ trả. Nay

bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T ly hôn, chia tài sản chung thì ông Nguyễn X đề nghị ông T và bà Tr phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền trên cho ông. Ngoài ra, ông Nguyễn X có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Bà Bùi Thị Kim C trình bày:*

Vào năm 2016 bà Bùi Thị Kim C có cho bà Nguyễn Thị Minh Tr vay số tiền 23.500.000 đồng mục đích vay trả tiền mua phân bón điều, khi vay 2 bên không lập giấy tờ, đến nay bà Tr vẫn chưa trả. Nay bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T ly hôn, chia tài sản chung, bà Ch yêu cầu bà Tr có nghĩa vụ phải trả cho bà Ch số tiền 23.500.000 đồng đã vay. Ngoài ra, bà Ch có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Ông Hoàng Phước A trình bày:*

Ông Hoàng Phước A có cho bà Tr vay số tiền 20.000.000 đồng, đến nay chưa trả. Nay bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T ly hôn, chia tài sản chung thì ông Hoàng Phước A có yêu cầu đề nghị bà Tr có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Anh số tiền 20.000.000 đồng và 600.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng là 20.600.000 đồng.

** Ông Hoàng Phước Việt trình bày:*

Vào tháng 7/2004, ông Hoàng Phước Việt có cho vợ chồng bà Tr, ông T vay số tiền 30.000.000 đồng. Nay bà Tr, ông T và Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T ly hôn, chia tài sản chung ông Hoàng Phước Việt không có yêu cầu giải quyết và xin xét xử vắng mặt.

** Ông Nguyễn Viết T trình bày:*

Vào năm 2015, ông Nguyễn Viết T có mua của gia đình ông T, bà Tr 01 bộ salong cũ với giá 10.000.000 đồng hẹn đến cuối năm 2015 sẽ trả tiền; đến tháng 7/2016 ông Nguyễn Viết T đã trả số tiền trên cho bà Tr nên không có liên quan gì trong vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Chị Nguyễn Thị Diễm C trình bày:*

Vào năm 2016, chị Nguyễn Thị Diễm C có cho bà Tr vay số tiền 15.000.000 đồng để lo việc gia đình. Sau đó bà Tr đã trả đủ số tiền trên nên chị C không có yêu cầu và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án về cơ bản đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Do bà Nguyễn Thị N có yêu cầu Hội đồng xét xử hủy 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462, 463, 464, 465/1265/QĐUB do UBND huyện Đồng Phú cấp cho hộ ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr ngày 02/6/2006; khi giải quyết vụ án cần thiết xem xét hủy 04 giấy chứng nhận nói trên nên căn cứ vào Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính đề nghị Hội đồng xét xử chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N do vi phạm trình tự thủ tục khởi kiện do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; đề nghị áp dụng Án lệ số 03/2016/AL để giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị N gửi đơn bổ sung đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462, 463, 464, 465/1265/QĐUB do UBND huyện Đồng Phú cấp cho hộ ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr ngày 02/6/2006 sau khi Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N tiếp tục đề nghị Hội đồng xét xử hủy 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên; Xét yêu cầu này của bà Nguyễn Thị N là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, đồng thời đưa ra sau khi Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên yêu cầu trên của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

Mặt khác, qua hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do các đương sự giao nộp xác định UBND huyện Đồng Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462, 463, 464, 465/1265/QĐUB do UBND huyện Đồng Phú cấp cho hộ ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr ngày 02/6/2006 là đúng trình tự,

thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật đất đai; khi có kết quả giải quyết cuối cùng của Tòa án, đương sự tự mình liên hệ với cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai để sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên quá trình giải quyết vụ án xét không cần thiết phải hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên mà vẫn đảm bảo được việc giải quyết vụ án chính xác, toàn diện. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án tuyên hủy 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462, 463, 464, 465/1265/QĐUB do UBND huyện Đồng Phú cấp cho hộ ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr ngày 02/6/2006 không được Hội đồng xét xử chấp nhận để giải quyết trong vụ án này.

Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử theo thẩm quyền của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa là không phù hợp. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

[2]. Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị N có yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr trả lại cho bà N 04 mảnh đất tọa lạc tại ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước gồm: Mảnh đất thứ nhất có diện tích 15.749 m²; Mảnh đất thứ hai có diện tích là 15,340 m²; Mảnh đất thứ ba có diện tích 2.570,6 m²; Mảnh đất thứ tư có diện tích 7.140,6 m² mà bà Nguyễn Thị Minh Tr cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr và có yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật. Yêu cầu này của bà Nguyễn Thị N được chứng minh qua lời thừa nhận của bà N tại phiên tòa, chứng minh qua lời thừa nhận của bị đơn ông Hoàng Phước T, chứng minh qua hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đồng Phú cung cấp. Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Năm 1998, bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T kết hôn và ở chung với gia đình ông Hoàng Phước Tr, bà Nguyễn Thị N; năm 2001, hộ ông Hoàng Phước T (trong đó có ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị N và ông Hoàng Phước Tr) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất do ông Trình bà N khai phá hoặc nhận chuyển nhượng được mà có.

Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm lần thứ nhất ông Hoàng Phước T đều khẳng định: “*Tất cả các thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ khai phá và*

mua của người khác sau đó vợ chồng kết hôn, chung sống với nhau thì bố mẹ cho để quản lý, sử dụng”.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trước khi Tòa ngừng phiên tòa để tiến hành xác minh, chị Nguyễn Thị Minh Tr cũng đã thừa nhận rằng: *“Các thửa đất do cha mẹ chồng cho vợ chồng”.*

Bà Nguyễn Thị N đã xác định tại phiên tòa phúc thẩm lần 1: *“Nguồn gốc đất đúng như ông Hoàng Phước T trình bày”... “Tôi giao cho ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr quản lý và sử dụng 05 thửa đất nêu trên, “... trong trường hợp bà Nguyễn Thị Minh Tr ông Hoàng Phước T không ly hôn tôi không đòi lại...” , “...mục đích chỉ đòi lại thửa đất 15.340 m²...”.*

Như vậy, lời khai của các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc của các thửa đất đang tranh chấp là của ông Trình, bà N. Sau khi, ông Hoàng Phước T và bà Nguyễn Thị Minh Tr kết hôn năm 1998 thì được bố mẹ giao cho quản lý, sử dụng các thửa đất nêu trên ổn định lâu dài cho đến hiện nay. Khi nhà nước có chủ trương kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Hoàng Phước T đi kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không ai trong gia đình phản đối. Quá trình sử dụng đất, ông T, bà Tr đã thay đổi cơ cấu cây trồng (thay điều bằng cao su hoặc trồng bổ sung cây điều trên đất...), quá trình này diễn ra liên tục, trong thời gian dài bà N biết nhưng không phản đối. Như vậy, từ khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 2 (2006) cho đến khi có việc ly hôn ông T bà Tr (năm 2017), gia đình bà N cũng không ai có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, canh tác sử dụng đất và thay đổi cơ cấu cây trồng trên đất. Điều đó thể hiện ý chí của gia đình bà N là đã cho ông T, bà Tr các phần đất có diện tích nêu trên. Do đó, việc bà N và ông T cho rằng ông T tự ý kê khai giấy tờ để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (năm 2006), bà N không biết là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định lời khai của bà Nguyễn Thị Minh Tr về việc gia đình bà N đã cho ông T, bà Tr 04 phần đất có diện tích nêu trên là có cơ sở. Do đó, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N đề nghị Tòa án buộc ông T, bà Tr hoàn trả lại cho bà N 04 mảnh đất tọa lạc tại ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước có diện tích nói trên là không được chấp nhận.

Trường hợp này có tính chất tương tự, phù hợp với nội dung và tinh thần của Án lệ số 03/2016/AL được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên cần áp dụng Án lệ này để giải quyết phân chia tài sản chung là phù hợp.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện phân chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Minh Tr khi ly hôn:

[2].1. Như đã phân tích ở trên, xác định khối tài sản tranh chấp trong vụ án có nguồn gốc từ ông Hoàng Phước Tr, bà Nguyễn Thị N cho ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa, bà Tr tự nguyện hoàn trả lại cho bà N phần đất có diện tích 7.140,6 m² tọa lạc tại ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đã được Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 465/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr cùng toàn bộ tài sản trên đất là cây điều 16 năm tuổi để hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị N một phần công sức đóng góp, tạo dựng nên khối tài sản và dùng nguồn thu từ đất ổn định cuộc sống khi tuổi già. Xét đề nghị này của bà Nguyễn Thị Minh Tr là phù hợp một phần với ý chí, nguyện vọng của bà Nguyễn Thị N, ông Hoàng Phước T, không trái pháp luật và phù hợp với đạo đức xã hội nên được ghi nhận và công nhận cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng, sở hữu quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 7.140,6 m² là phù hợp.

[2].2 Đối với khối tài sản là 420 cây cao su trồng năm 2008 trị giá 100.800.000 đồng gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 8.997 m² tọa lạc tại Kp Bàu Ké, TT Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T thống nhất thỏa thuận: Phần đất có diện tích 8.997 m² là tài sản ông Hoàng Phước T được thừa kế riêng, bà Tr, ông T thống nhất ông T được quyền quản lý, sử dụng riêng, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; tài sản gắn liền với phần đất này là 420 cây cao su trị giá 100.800.000 đồng là tài sản chung do ông T bà Tr cùng tạo dựng nên trong thời kỳ hôn nhân nên thống nhất chia đôi mỗi người 50% giá trị tài sản. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái pháp luật nên được ghi nhận. Do tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất (thuộc quyền sử dụng riêng của ông Hoàng Phước T) nên cần giao cho ông Hoàng Phước T được quyền sở hữu 420 cây cao su nói trên, đồng thời buộc ông Hoàng Văn Tuấn phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh Tr số tiền 50.400.000 đồng là phù hợp.

[2].3 Đối với các tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích 15.749 m², 15,340 m², 2.570,6 m², 267 m² cùng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất:

Tại phiên tòa, các bên thống nhất tài sản trên hình thành do ông Hoàng Phước Tr, bà Nguyễn Thị N chuyển giao. Như nhận định ở trên, xác định khối tài sản này là tài sản chung của vợ chồng tạo dựng được trong thời kỳ hôn nhân và là các tài sản ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr sử dụng làm nơi ở,

nguồn thu nhập chính cho sinh hoạt gia đình, phát triển kinh tế. Như vậy, về công sức tạo dựng, đóng góp phát triển khối tài sản của ông Hoàng Phước T là nhiều hơn so với bà Nguyễn Thị Minh Tr nên khi chia tài sản cần xem xét đến hoàn cảnh sống, công sức đóng góp và tạo sự ổn định cuộc sống cho các đương sự sau khi ly hôn và chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét cần chia khối tài sản chung của vợ chồng theo tỷ lệ ông Hoàng Phước T được hưởng 55% tổng giá trị tài sản, bà Nguyễn Thị Minh Tr được nhận 45% giá trị tài sản theo giá được Hội đồng định giá xác định. Tài sản của ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr được chia như sau:

** Giao cho bà Nguyễn Thị Minh Tr được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là:*

- Mảnh đất có diện tích 15.749 m² tọa lạc ở ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 464/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 mang tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T; trên đất có 600 cây cao su trồng từ năm 2011 và 300 cây cao su trồng vào năm 2013. Giá trị tài sản là 618.572.000 đồng.

- Mảnh đất có diện tích là 15,340,2 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462/QSDĐ/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T; trên đất có 136 cây điều trồng từ năm 2001. Giá trị tài sản là 403.905.000 đồng.

Tổng giá trị hai thửa đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất được chia cho bà Nguyễn Thị Minh Tr là 1.022.477.000 đồng.

** Giao cho ông Hoàng Phước T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là:*

- Mảnh đất có diện tích 267 m² tọa lạc tại khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000618/Tân Phú ngày 30/5/2011 đứng tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T. Trên đất có xây dựng một căn nhà cấp 4, các công trình phụ (mái vòm trước, vòm sau, nhà bếp) xây từ năm 1999, 01 bộ bàn ghế gỗ Cẩm lai. Tổng giá trị tài sản này là 811.814.250 đồng.

- Mảnh đất có diện tích 2.570,6 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 463/QSDĐ/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T; trên đất có 160 cây cao su trồng từ năm 2012. Tổng giá trị tài sản là 96.296.800 đồng.

Tổng giá trị hai thửa đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất được chia cho ông Hoàng Phước T là 908.111.050 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản của ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr tạo dựng được là 2.031.388.050 đồng, tài sản của bà Nguyễn Thị Minh Tr được hưởng tương ứng 45% là 914.124.623 đồng, ông Hoàng Phước T được hưởng giá trị tài sản tương ứng 55% là 1.117.263.428 đồng. Do tài sản là giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất được chia cho bà Nguyễn Thị Minh Tr nhiều hơn giá trị của ông Hoàng Phước T được chia nên giao cho ông Hoàng Phước T được quyền sở hữu toàn bộ khối tài sản là 420 cây cao su gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích 8.997 m² là tài sản ông Hoàng Phước T được thừa kế riêng trị giá 100.800.000 đồng, đồng thời buộc bà Nguyễn Thị Minh Tr phải hoàn trả cho ông Hoàng Phước T số tiền 108.352.378 đồng chênh lệch khi chia tài sản.

Đối với các tài sản là 01 chiếc xe máy hiệu Air Blade, 01 chiếc xe máy hiệu Sistan và một số vật dụng trong nhà ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr thống nhất không yêu cầu xem xét giải quyết nên hội đồng xét xử không phân chia khối tài sản này.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Minh Tr đối với thửa đất có diện tích 8.997 m² tọa lạc tại khu phố Bàu Ké thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000533/Tân Phú 09/3/20211, tại phiên tòa, bà Tr ông T thống nhất là tài sản riêng của ông Hoàng Phước T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản này.

[3]. Giải quyết nợ chung:

Đối với khoản nợ của bà Bùi Thị Kim C là 23.500.000 đồng, nợ ông Hoàng Phước A 20.600.000 đồng, khoản nợ của ông Nguyễn X là 15.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Minh Tr đồng ý tự mình trả nợ cho ông Nguyễn X, bà Bùi Thị Kim C, ông Hoàng Phước A nên yêu cầu độc lập của ông Nguyễn X, bà Bùi Thị Kim C, ông Hoàng Phước A là phù hợp, được chấp nhận, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện này của bà Tr, buộc bà Nguyễn Thị Minh Tr có trách nhiệm tự mình trả cho ông Nguyễn X số tiền 15.000.000 đồng, trả cho bà Bùi Thị Kim C là 23.500.000 đồng, trả cho ông Hoàng Phước A 20.600.000 đồng.

Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP là 30.000.000 đồng, tại phiên tòa ông T và bà Tr thống nhất mỗi người phải trả cho

Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP 15.000.000 đồng và lãi suất phát sinh khi đến hạn. Đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần ghi nhận.

Đối với khoản nợ quỹ họ Hoàng (do ông T quản lý) là 5.000.000 đồng, tại phiên tòa các đương sự thống nhất không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với khoản nợ của ông Hoàng Phước Việt là 30.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu giải quyết, ông Hoàng Phước Việt không làm đơn yêu cầu độc lập nên cần tách phần này ra giải quyết trong vụ án khác khi ông Việt có đơn yêu cầu.

Đối với khoản nợ của bà Nguyễn Thị Diễm C là 15.000.000 đồng các đương sự đã trả xong không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Nguyễn Viết T nợ tiền bộ salong giá 10.000.000 đồng đã trả cho bà Tr và ông T, các bên đương sự không có yêu giải quyết số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá là 10.000.000 đồng (tại cấp sơ thẩm lần 1) bà Nguyễn Thị Minh Tr đã nộp và chi phí định giá lại với số tiền 3.000.000 đồng (tại cấp phúc thẩm lần 1) ông Hoàng Phước T đã nộp. Tại phiên tòa, các đương sự tự nguyện chịu số tiền đã chi phí và khấu trừ vào số tiền nã nộp, không yêu cầu xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[4]. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

Án phí chia tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T phải nộp số tiền án phí chia tài sản theo quy định tại Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, bà N hiện nay là người già, không có sức lao động, có đơn xin miễn giảm án phí nên xét cần miễn cho bà N 1/2 số tiền án phí phải nộp.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn X, bà Bùi Thị Kim C, ông Hoàng Phước A được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn X, bà Bùi Thị Kim C, ông Hoàng Phước A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 58, 59, 60, 62, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39;
Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự
Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.
Áp dụng Án lệ số 03/2016/AL

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh Tr về yêu cầu chia tài sản chung, các khoản nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Tài sản chung và các khoản nợ chung của bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T được chia như sau:

*** *Giao cho bà Nguyễn Thị Minh Tr được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là:***

- Mảnh đất có diện tích 15.749 m² tọa lạc ở ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 464/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 mang tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T; trên đất có 600 cây cao su trồng từ năm 2011 và 300 cây cao su trồng vào năm 2013.

- Mảnh đất có diện tích là 15,340,2 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 462/QSĐĐ/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T; trên đất có 136 cây điều trồng từ năm 2001.

*** *Giao cho ông Hoàng Phước T được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu các tài sản là:***

- Mảnh đất có diện tích 267 m² tọa lạc tại khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000618/Tân Phú ngày 30/5/2011 đứng tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T. Trên đất có xây dựng một căn nhà cấp 4, các công trình phụ (mái vòm trước, vòm sau, nhà bếp) xây từ năm 1999, 01 bộ bàn ghế gỗ Cẩm lai...

- Mảnh đất có diện tích 2.570,6 m² tọa lạc ở ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đất đã được UBND huyện Đồng Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 463/QSĐĐ/1265/QĐUB ngày 02/6/2006 đứng tên Nguyễn Thị Minh Tr và Hoàng Phước T; trên đất có 160 cây cao su trồng từ năm 2012.

- Ông Hoàng Phước T được quyền quản lý, sở hữu toàn bộ tài sản là 420 cây cao su tọa lạc trên phần đất có tích 8,997 m² (là tài sản riêng của ông Hoàng Phước T) tọa lạc tại Khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, đã được UBND huyện Đồng Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH000533/Tân Phú cấp ngày 09/3/2021 đứng tên Hoàng Phước T

Buộc bà Nguyễn Thị Minh Tr hoàn lại cho ông Hoàng Phước T số tiền 108.352.378 đồng chênh lệch khi chia tài sản.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh Tr về giải quyết nợ chung. Buộc bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP số tiền 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

2. Bác một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N về việc đòi buộc ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr phải trả lại cho bà Nguyễn Thị N 03 mảnh đất tọa lạc tại ấp Quân Y, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước gồm: Mảnh đất thứ nhất có diện tích 15.749 m²; Mảnh đất thứ hai có diện tích là 15,340 m²; Mảnh đất thứ ba có diện tích 2.570,6 m²;

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T. Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng, sở hữu tài sản là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất trên mảnh đất có diện tích 7.140,6 m² tọa lạc tại ấp Quân Y xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 465/QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú cấp ngày 02/6/2006 đứng tên ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị Minh Tr.

Các đương sự tự mình liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn X, bà Nguyễn Thị Diễm C, ông Nguyễn Phước Anh.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh Tr tự mình trả cho ông Nguyễn X số tiền 15.000.000 đồng, trả cho bà Bùi Thị Kim C là 23.500.000 đồng, trả cho ông Hoàng Phước A 20.600.000 đồng

4. Án phí dân sự có giá ngạch: (PHẦN ÁN PHÍ CẤP PHÚC THẨM SỬA ÁN)

Buộc bà Nguyễn Thị Minh Tr phải nộp số tiền 37.200.739 đồng án phí có giá ngạch chia tài sản và 3.705.000 đồng án phí đối với yêu cầu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 000476, quyền số

0023780 ngày 14/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Buộc ông Hoàng Phước T phải chịu số tiền 45.067.903 đồng án phí có giá ngạch chia tài sản và 750.000 đồng án phí giải quyết nợ chung.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận sau khi được miễn 50% số tiền án phí phải nộp là 19.446.807 đồng. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị N đã nộp là 2.875.000 đồng theo biên lai thu tiền số 024882 ngày 16/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Hoàn lại cho ông Nguyễn X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 375.000 đồng theo biên lai thu tiền số 024221 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Hoàn lại cho bà Bùi Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 587.500 đồng theo biên lai thu tiền số 024220 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Hoàn lại cho ông Nguyễn Phước Anh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 515.000 đồng theo biên lai thu tiền số 024258 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bà Nguyễn Thị Minh Tr, ông Hoàng Phước T, bà Nguyễn Thị N, đại diện hợp pháp của Ngân hàng chính sách xã hội huyện ĐP có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Nguyễn X, ông Hoàng Phước A, ông Hoàng Phước Việt, bà Nguyễn Thị Diễm C, bà Bùi Thị Kim C, ông Nguyễn Viết T có kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Bình Phước*
- *VKSND huyện Đồng Phú;*
- *THADS huyện Đồng Phú;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Trung